

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN T  
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 78/2024/KDTM-ST  
Ngày 26-7-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng mua  
bán điện

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ H

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Th.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Bà Lê Thị T.
- Bà Võ Phương Tr.

**Thư ký phiên tòa:** Ông Chiêm Tiền Quý Nh – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quang L – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2024/TLST-KDTM ngày 05 tháng 4 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng mua bán điện theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 268/2024/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 197/2024/QĐST-KDTM ngày 28/6/2024, giữa:

**1. Nguyên đơn:** Tổng công ty Đ,  
Địa chỉ: phường N, Quận M, Thành phố H.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Nguyễn Trung Tr, địa chỉ: Phường MB, Quận S, Thành phố H, là người đại diện ủy quyền. (Giấy ủy quyền số 284/2023/UQ-PCBP ngày 01/02/2024). (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Công T - Chủ hộ kinh doanh N;  
Địa chỉ: phường B, quận T, Thành phố H. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, Tổng công ty Đ (gọi tắt là Tổng công ty Đ) có ông Nguyễn Trung Tr đại diện ủy quyền, trình bày: Ông Nguyễn Công T - Chủ hộ kinh doanh N (gọi tắt là ông T) đã ký hợp đồng mua bán điện ngoài mục đích sinh hoạt số 20000472, mã khách hàng: PE06000337568 ngày 06/3/2020 với công ty điện lực BP mục đích sử dụng điện tại địa chỉ phường B, quận T. Trong quá trình sử dụng điện, ông T đã không thanh toán cho Tổng công ty Đ với tổng số tiền

4.062.637 đồng, theo Hóa đơn giá trị gia tăng tiền điện số 2832004 ngày 06/01/2022 và Hóa đơn giá trị gia tăng tiền điện số 3090083 ngày 07/02/2022. Tổng công ty Đ đã nhiều lần yêu cầu nhưng đến nay, ông T vẫn không thực hiện.

Do đó, Tổng công ty Đ yêu cầu ông T phải thanh toán số tiền còn nợ là 4.062.637 (Bốn triệu không trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm ba mươi bảy) đồng.

Ông Nguyễn Công T - Chủ hộ kinh doanh N đã được triệu tập hợp lệ để giải quyết việc tranh chấp hợp đồng mua bán điện với Tổng công ty Đ nhưng vắng mặt không có lý do.

***Tại phiên tòa:***

\* Tổng công ty Đ, có ông Nguyễn Trung Tr đại diện ủy quyền vẫn giữ yêu cầu ông Nguyễn Công T - Chủ hộ kinh doanh N phải thanh toán số tiền còn nợ là 4.062.637 (Bốn triệu không trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm ba mươi bảy) đồng và có đơn xin xét xử vắng mặt.

\* Ông Nguyễn Công T - Chủ hộ kinh doanh N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để giải quyết việc tranh chấp hợp đồng mua bán điện với Tổng công ty Đ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm xét xử, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật như thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; Thông báo và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, tuân thủ đúng pháp luật; Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng pháp luật.

Về nội dung: Ngày 06/3/2020, Tổng công ty Đ với ông Nguyễn Công T - Chủ hộ kinh doanh N (gọi tắt là ông T) có ký hợp đồng mua bán điện ngoài mục đích sinh hoạt số 20000472, mã khách hàng: PE06000337568. Tuy nhiên, ông T đã không thực hiện đúng hợp đồng ký kết, qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì ông T còn nợ số tiền 4.062.637 đồng. Do đó, Tổng công ty Đ yêu cầu ông T phải thanh toán số tiền còn nợ 4.062.637 đồng, là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Tổng công ty Đ.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán điện, bị đơn, ông Nguyễn Công T - Chủ hộ kinh doanh N có địa chỉ tại phường B, quận T và nơi thực hiện hợp đồng tại quận T, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố

tụng dân sự, thì vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

[1.1] Tổng công ty Đ (gọi tắt là Tổng công ty Đ), có ông Nguyễn Trung Tr đại diện ủy quyền, vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Công T - Chủ hộ kinh doanh N (gọi tắt là ông T) đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để giải quyết việc tranh chấp hợp đồng mua bán điện với Tổng công ty Đ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Giữa Tổng công ty Đ với ông T có ký hợp đồng mua bán điện. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã không thanh toán tiền nên có tranh chấp và Tổng công ty Đ có đơn khởi kiện ông T tại Tòa án nhân dân quận T. Qua yêu cầu của Tổng công ty Đ, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[2.1] Theo hợp đồng mua bán điện ngoài mục đích sinh hoạt số 20000472, mã khách hàng: PE06000337568 ngày 06/3/2020, thì Tổng công ty Đ đã cung cấp điện cho ông T để phục vụ cho mục đích sản xuất tại phường B, quận T. Đôi bên cũng thỏa thuận về hình thức thanh toán tiền điện là trả tiền mặt trong thời hạn thanh toán là trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Tổng công ty Đ thông báo thanh toán lần đầu. Như vậy, có cơ sở xác định Tổng công ty Đ đã ký hợp đồng và thỏa thuận cung cấp điện cho mục đích sản xuất đối với ông T.

[2.2] Theo thông tin chỉ số và tiền điện được thể hiện tại Hóa đơn giá trị gia tăng (Hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử) số 2832004 ngày 06/01/2022 đối với khách hàng thì ông T chưa thanh toán số tiền là 2.448.474 đồng và Hóa đơn giá trị gia tăng (Hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử) số 3090083 ngày 07/02/2022 đối với khách hàng thì ông T chưa thanh toán số tiền là 1.614.163 đồng. Như vậy, có cơ sở xác định số tiền sử dụng điện mà ông T chưa thanh toán cho Tổng công ty Đ là 4.062.637 đồng.

Theo khoản 1 Điều 23 của Luật Điện lực quy định: *“Bên mua điện phải thanh toán đủ và đúng thời hạn số tiền điện ghi trong hóa đơn cho bên bán điện theo biểu giá điện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Tiền điện được thanh toán tại trụ sở, nơi ở của bên mua điện hoặc tại địa điểm thuận lợi do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện”*. Theo quy định, thì bên mua điện là ông T phải thanh toán đủ và đúng thời hạn số tiền điện ghi trong hóa đơn cho bên bán điện. Tuy nhiên, ông T đã không thực hiện đúng theo quy định nói trên và đã không thực hiện đúng thỏa thuận theo hợp đồng mua bán điện đã ký kết nên ngày 20/02/2022, Tổng công ty Đ đã có Thông báo ngừng cung cấp điện đối với ông T có mã khách hàng PE06000337568.

Từ những nhận định trên, đối với yêu cầu buộc ông T phải thanh toán số tiền điện còn nợ là 4.062.637 đồng của Tổng công ty Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[3] Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Tổng công ty Đ, buộc ông T phải thanh toán số tiền điện còn nợ là 4.062.637 đồng. Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân

quận T tại phiên Tòa là có căn cứ và cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì ông T chịu trách nhiệm trả tiền cho Tổng công ty Đ nên phải chịu án phí trên số tiền phải trả là 4.062.637 đồng. Số tiền án phí là 3.000.000 đồng. Ông T phải chịu án phí là 3.000.000 đồng.

Tổng công ty Đ không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả cho Tổng công ty Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0012022 ngày 07/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 146; Điều 147; Điều 203; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 23 của Luật Điện lực;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của UBTVQH.

#### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty Đ.**

Buộc ông Nguyễn Công T - Chủ hộ kinh doanh N có nghĩa vụ thanh toán cho Tổng công ty Đ số tiền còn nợ là 4.062.637 (Bốn triệu không trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm ba mươi bảy) đồng.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi Tổng công ty Đ có yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Công T - Chủ hộ kinh doanh N chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 23 của Luật Điện lực.

**2. Án phí DSST:** Ông Nguyễn Công T - Chủ hộ kinh doanh N phải chịu số tiền án phí là 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Tổng công ty Đ không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả cho Tổng công ty Đ số tiền tạm ứng án phí là 3.000.000 (Ba triệu) đồng theo biên lai thu số 0012022 ngày 07/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại địa phương.**

**4. Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi**

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích quy định về quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự).

***Nơi nhận:***

- TAND TP.H;
- VKSND quận T;
- CC THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ; VP (Nh).

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký tên và đóng dấu)*

**Nguyễn Thành Th**